

Bản án số: 27/2022/DS-PT

Ngày 16/9/2022

V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Luật

Ông Đình Viết Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân An – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 76/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

- Ông Trịnh Quang K; địa chỉ: 128 T, H, T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

- Ông Trịnh Quang Kh; địa chỉ: Số 25 N, khu phố 8, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Luật sư Trần Đức A - Văn phòng luật sư Trần và cộng sự; địa chỉ: 117B, đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O; cùng địa chỉ: số 90 B Quốc Lộ 9, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O:* Ông Trần Văn H; địa chỉ: số 90 B Quốc Lộ 9, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Võ Ngọc M, Luật sư Mai Thị Tuyết N – Văn phòng Luật sư Tín Pháp – Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị D, địa chỉ: 128 T, H, T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D:* Luật sư Trần Đức A- Văn phòng luật sư Trần và cộng sự; địa chỉ: 117B, đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

4. *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Ngày 03/9/2020 Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trịnh Quang K, Trịnh Quang Kh như sau:***

Trong năm 2016 ông Trịnh Quang K và anh Trịnh Quang Kh có mượn của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 4.500.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm triệu đồng*), không có thỏa thuận lãi suất, việc vay mượn không lập hợp đồng mà được thực hiện bằng cách ông K hoặc anh Kh đến nhận tiền ký vào sổ do ông H, bà O lưu giữ gồm:

- Ngày 20/01/2016 mượn 2.000.000.000 đồng
- Ngày 21/3/2016 mượn 1.000.000.000 đồng
- Ngày 07/4/2016 mượn 500.000.000 đồng
- Ngày 11/4/2016 mượn 500.000.000 đồng
- Ngày 28/4/2016 mượn 500.000.000 đồng

Ngày 05/01/2018, hai bên chốt lại công nợ, do những lần mượn tiền trước đó không lập giấy vay mà chỉ ký nhận vào sổ của ông H nên hai bên thống nhất lập lại tờ giấy vay mượn tiền với số tiền còn nợ là 3.500.000.000 đồng. Giấy vay mượn tiền thể hiện nội dung: Ông Trịnh Quang K và bà Nguyễn Thị D cùng đứng ra vay mượn của vợ chồng ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 3.500.000.000 đồng (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*) và hẹn trong vòng 2 tháng (*60 ngày*) kể từ ngày mượn sẽ trả; trong vòng 2 tháng này ông H, bà O không tính tiền lãi suất, hết thời hạn trên nếu không trả sẽ tính lãi suất theo thỏa thuận hai bên.

Tại giấy thế chấp tài sản ngày 20/01/2016, ông Trịnh Quang K đã thế chấp cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O 01 xe ô tô con LEXUS biển kiểm soát: 60A-140.55 để mượn số tiền 2.000.000.000 đồng từ ngày 20/01/2016 đến 30/02/2016 sẽ trả lại tiền và lãi vay để lấy lại tài sản thế chấp. Trường hợp ông K không lấy lại tài sản thế chấp thì bên nhận thế chấp có quyền thanh lý tài sản đã thế chấp. Tại thời điểm lập giấy thế chấp trên thì xe ô tô đang thế chấp ở Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đồng Nai. Tổng dư nợ của ông K tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đồng Nai khi chuyển nhượng xe là 2.000.000.000 đồng. Theo đó, chiếc xe ô tô được

định giá là 4.500.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm triệu đồng*). Người mua xe do ông H, bà O chỉ định đã chuyển vào ngân hàng số tiền là 1.700.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng*), ông H đưa thêm cho anh Trịnh Quang Kh số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) cho đủ 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*) để lấy giấy tờ xe ra làm thủ tục chuyển nhượng cho người mua. Thực tế số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) được anh Trịnh Quang Kh viết giấy mượn ngày 08/01/2018 không phải anh Kh mượn thêm của ông H, bà O. Giá trị còn lại của chiếc xe 2.500.000.000 đồng sẽ được giảm trừ trong tổng số tiền nợ ông H bà O.

Tổng cộng ông Trịnh Quang K và anh Trịnh Quang Kh đã trả cho ông H bà O 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*), cụ thể:

- Ngày 29/02/2016 trả 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), ông Trần Văn H ký nhận tại giấy thế chấp tài sản ngày 20/01/2016;

- Ngày 17/01/2018 trả 2.500.000.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*) là số tiền được trừ cho việc thanh lý tài sản xe ô tô;

- Ngày 28/8/2018 trả 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*), chuyển khoản vào tài khoản ông Trần Văn H.

Như vậy ông K bà Duyên đã chuyển thừa cho ông H bà O cụ thể:

5000.000.000 đồng – 47.846.710.000đồng (trong đó có 46.710.000 đồng tiền lãi) = 153.290.000 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*). Vì vậy, việc ông Trịnh Quang K, anh Trịnh Quang Kh yêu cầu ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Hoàng O có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Trịnh Quang K, anh Trịnh Quang Kh số tiền 153.290.000 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*).

**Theo đơn ngày 16/7/2020 và Ngày 16/9/2020 của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O:**

Trong năm 2016, 2017 vợ chồng ông Trịnh Quang K và bà Nguyễn Thị D cùng con trai Trịnh Quang Kh nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Hoàng O. Ngày 20/01/2016 ông K vay 2.000.000.000 đồng; Ngày 21/3/2016 ông K vay 1.000.000.000 đồng; Ngày 07/4/2016 anh Kh vay 500.000.000 đồng; Ngày 11/4/2016 anh Kh vay 500.000.000 đồng; Ngày 28/4/2016 anh Kh vay 500.000.000 đồng; Ngày 05/01/2018 ông K vay 3.500.000.000 đồng; Ngày 08/01/2018 anh Kh vay 300.000.000 đồng. Tổng cộng ông K, anh Kh vay 8.300.000.000 đồng, đã trả 5.000.000.000 đồng, còn nợ 3.300.000.000 đồng yêu cầu vợ chồng ông Trịnh Quang K và bà Nguyễn Thị D cùng con trai Trịnh Quang Kh phải trả đủ số nợ trên. **Ngày 04/11/2020 ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.**

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244, Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163; Điều 164; Điều 166; khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Quang K, anh Trịnh Quang Kh đã rút.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của ông Trịnh Quang K, anh Trịnh Quang Kh: Buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Trịnh Quang Kh và anh Trịnh Quang K số tiền 153.290.000 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/6/2022, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Hoàng O là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét: sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, thư ký cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến trước khi mở phiên tòa phúc thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các bên đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 BLTTDS; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Bác đơn kháng cáo của ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Hoàng O, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Hoàng O phải chịu án phí DSST, DSPT, án phí có giá ngạch trên số tiền 3.500.000.000 đồng không được chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Ông Trịnh Quang K và anh Trịnh Quang Kh khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ trả lại số tiền trả thừa 153.290.000 đồng. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp “*Đòi lại tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền của TAND thành phố Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Hoàng O phù hợp với các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về chủ thể và thời hạn kháng cáo. Chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. HĐXX thấy quá trình giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự theo Bộ luật tố tụng dân sự, Bản án đã căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ trên kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm như vậy là khách quan đúng quy định.

Đối với kháng cáo cho rằng Bản án buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Trịnh Quang Kh và anh Trịnh Quang K số tiền 153.290.000 đồng là không đúng, HĐXX thấy rằng: Sau ngày kháng cáo ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Hoàng O là bị đơn không cung cấp thêm chứng cứ mới, xem xét chung cứ trong hồ sơ thấy:

Trong năm 2016 ông Trịnh Quang K và anh Trịnh Quang Kh có mượn của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 4.500.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm triệu đồng*), không có thỏa thuận lãi suất, việc vay mượn không lập hợp đồng mà được thực hiện bằng cách ông K hoặc anh Kh đến nhận tiền ký vào sổ do ông H, bà O lưu giữ gồm:

- Ngày 20/01/2016 mượn 2.000.000.000 đồng
- Ngày 21/3/2016 mượn 1.000.000.000 đồng
- Ngày 07/4/2016 mượn 500.000.000 đồng
- Ngày 11/4/2016 mượn 500.000.000 đồng
- Ngày 28/4/2016 mượn 500.000.000 đồng

Ngày 05/01/2018, hai bên chốt lại công nợ, do những lần mượn tiền trước đó không lập giấy vay mà chỉ ký nhận vào sổ của ông H nên hai bên thống nhất lập lại tờ giấy vay mượn tiền với số tiền còn nợ là 3.500.000.000 đồng. Giấy vay mượn tiền thể hiện nội dung: Ông Trịnh Quang K và bà Nguyễn Thị D cùng đứng ra vay mượn của vợ chồng ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 3.500.000.000 đồng (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*) và hẹn trong vòng 2 tháng

(60 ngày) kể từ ngày mượn sẽ trả; trong vòng 2 tháng này ông H, bà O không tính tiền lãi suất, hết thời hạn trên nếu không trả sẽ tính lãi suất theo thỏa thuận hai bên.

Ngày 08/01/2018 anh Trịnh Quang Kh vay của ông H, bà O 300.000.000 đồng.

Như vậy, đến ngày 08/01/2018 tổng số tiền mà ông K, bà D và anh Kh đã mượn của ông H, bà O là 4.800.000.000 đồng (*Bốn tỷ tám trăm triệu đồng*).

Đối chiếu quá trình trả nợ:

- Ngày 29/02/2016 trả 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), ông Trần Văn H ký nhận tại giấy thế chấp tài sản ngày 20/01/2016;

- Ngày 17/01/2018 trả 2.500.000.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*) là số tiền được trừ cho việc thanh lý tài sản xe ô tô;

- Ngày 28/8/2018 trả 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*), chuyển khoản vào tài khoản ông Trần Văn H.

Như vậy, tổng cộng ông Trịnh Quang K và anh Trịnh Quang Kh đã trả cho ông H bà O 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*).

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 153.290.000 đồng, HĐXX thấy:

Ông Trịnh Quang K, bà Nguyễn Thị D, anh Trịnh Quang Kh đã vay của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O tổng cộng là 4.800.000.000 đồng, đã trả 5.000.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 05/01/2018 thì đến ngày 05/3/2018 ông K bà D phải trả hết nợ nhưng quá thời hạn mới thanh toán được 2.500.000.000 đồng, còn nợ 1.000.000.000 đồng, do đó ông K bà Duyên phải chịu lãi trên số tiền 1.000.000.000 đồng tính từ ngày 05/3/2018 đến ngày 28/8/2018 là 173 ngày theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS là 10%/năm:  $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 173 \text{ ngày} \times 0,027\%/\text{ngày} = 46.710.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy ông K bà Duyên đã chuyển thừa cho ông H bà O cụ thể:

(5.000.000.000 đồng – 47.846.710.000đồng( trong đó có 46.710.000 đồng tiền lãi) = 153.290.000 đồng). Vì vậy, việc ông Trịnh Quang K, anh Trịnh Quang Kh yêu cầu ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Hoàng O có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Trịnh Quang K, anh Trịnh Quang Kh số tiền 153.290.000 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*) là có căn cứ cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Trịnh Quang Kh và anh Trịnh Quang K số tiền 153.290.000 đồng là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận..

[3]. Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.
- Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244, Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163; Điều 164; Điều 166; khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của ông Trịnh Quang K, anh Trịnh Quang Kh: Buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Trịnh Quang Kh và anh Trịnh Quang K số tiền 153.290.000 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật Thi hành án dân sự](#) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.664.500 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bị đơn đã nộp là 44.300.000 đồng. Trả lại cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí còn lại là 36.655.500 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000669 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000344 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hoàng O được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 36.655.500 đồng

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 11.368.200 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000685 ngày 03/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND Tp. Đ;
- VKSND Tp. Đ;
- Chi cục THADS Tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Văn Phương**